

Phụ lục 01

Thống kê văn bản chỉ đạo triển khai, thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW, Kết luận số 02-KL/TW
 (Kèm theo Báo cáo số 150 /BC-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Số lượng văn bản triển khai, thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW, Kết luận số 02-KL/TW đã ban hành										
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
		(15/7/2015-14/12/2015)	(15/12/2015-14/12/2016)	(15/12/2016-14/12/2017)	(15/12/2017-14/12/2018)	(15/12/2018-14/12/2019)	(15/12/2019-14/12/2020)	(15/12/2020-14/12/2021)	(15/12/2021-14/12/2022)	(15/12/2022-14/12/2023)	(15/12/2023-14/12/2024)	(15/12/2024-14/3/2025)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Các cấp chính quyền địa phương											
1	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh											
1,1	Nghị quyết											
1,2	Văn bản khác											
	Tổng số											
2	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh											
2,1	Quyết định											
2,2	Chỉ thị											
2,3	Kế hoạch	1						1				
2,4	Chương trình											
2,5	Báo cáo			1			1				1	
2,6	Văn bản khác											
	Tổng số	1	0	1	0	0	1	1	0	0	1	0
3	Ủy ban nhân dân cấp huyện											
3,1	Quyết định											
3,2	Chỉ thị											
3,3	Kế hoạch	10						10				
3,4	Chương trình											
3,5	Báo cáo			10							10	
3,6	Văn bản khác											
	Tổng số	10	0	10	0	0	0	10	0	0	10	0

Phụ lục 02
Thống kê về số liệu công tác PCCC và CNCH
(Kèm theo Báo cáo số: 150 /BC-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Năm										
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
		(15/7/2015-14/12/2015)	(15/12/2015-14/12/2016)	(15/12/2016-14/12/2017)	(15/12/2017-14/12/2018)	(15/12/2018-14/12/2019)	(15/12/2019-14/12/2020)	(15/12/2020-14/12/2021)	(15/12/2021-14/12/2022)	(15/12/2022-14/12/2023)	(15/12/2023-14/12/2024)	(15/12/2024-14/3/2025)
1	TÌNH HÌNH CHÁY, NỔ, CNCH											
1,1	Tình hình cháy											
-	Tổng số vụ	5	41	14	36	23	20	21	16	9	34	8
-	Thiệt hại:											
	Số người chết	0	0	0	0	0	0	1	1	2	0	0
	Số người bị thương	0	1	0	0	0	3	2	0	0	3	0
	Tài sản thiệt hại (triệu đồng)	26,0	16.892,0	3.475,5	3.757,9	5.074,0	631,6	1.035,7	11.134,0	4.931,2	4.381,7	4.523,2
	Diện tích rừng bị cháy (Ha)	33,20	130,54	0,00	0,00	21,97	76,94	27,49	0,00	8,00	0,00	0,00
-	Địa bàn xảy ra cháy:											
	Thành thị	3	23	9	28	9	4	12	5	5	22	4
	Nông thôn	2	18	5	8	14	16	9	11	4	12	4
-	Loại hình cơ sở:											
	Nhà ở riêng lẻ		8	4	10	4	4	8	7	6	9	4
	Nhà ở kết hợp kinh doanh		2	2	2	0	1	2	1	0	3	1
	Nhà chung cư		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng bách hóa		0	0	2	0	0	0	1	0	0	0
	Vũ trường, quán bar, cơ sở kinh doanh karaoke		0	0	0	0	0	0	1	0	0	0
	Trụ sở làm việc, văn phòng, cơ quan		1	0	2	0	0	0	0	0	2	0
	Phương tiện giao thông		1	3	3	5	0	1	0	0	5	0
	Cơ sở sản xuất, kho vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kho, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh khác	1	9	2	7	3	1	3	1	0	4	1
	Loại hình khác	4	20	3	10	11	14	7	5	3	11	2
1,2	Nguyên nhân vụ cháy											
-	Đã điều tra rõ nguyên nhân	4	31	14	35	18	12	17	15	8	33	8
	Do sự cố hệ thống, thiết bị điện	2	17	8	20	9	4	9	9	8	21	4
	Do sơ xuất, bất cẩn trong sử dụng lửa, nhiệt	1	12	3	9	6	6	4	5	0	10	4

STT	Chỉ tiêu thống kê	Năm										
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
		(15/7/2015-14/12/2015)	(15/12/2015-14/12/2016)	(15/12/2016-14/12/2017)	(15/12/2017-14/12/2018)	(15/12/2018-14/12/2019)	(15/12/2019-14/12/2020)	(15/12/2020-14/12/2021)	(15/12/2021-14/12/2022)	(15/12/2022-14/12/2023)	(15/12/2023-14/12/2024)	(15/12/2024-14/3/2025)
	Do vi phạm các quy định về PCCC	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Nguyên nhân khác	1	1	3	5	3	2	4	1	0	2	0
-	Chưa điều tra rõ nguyên nhân	1	10	0	1	5	8	4	1	1	1	0
1,3	Tình hình cháy lớn											
-	Tổng số vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Thiệt hại:											
	Số người chết											
	Số người bị thương											
	Tài sản thiệt hại											
1,4	Tình hình cháy gây thiệt hại nghiêm trọng về người											
-	Tổng số vụ	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0
-	Thiệt hại:											
	Số người chết							1	1	2		
	Số người bị thương							2	0	0		
1,5	Tình hình cháy gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản											
-	Tổng số vụ	0	1	0	0	0	0	0	2	1	0	0
-	Tài sản thiệt hại		15 tỷ đồng						9 tỷ đồng	4,63 tỷ đồng		
1,6	Tình hình nổ											
-	Tổng số vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Thiệt hại:											
	Số người chết											
	Số người bị thương											
	Tài sản thiệt hại (triệu đồng)											
1,7	Tình hình công tác CNCH	0	3	5	10	5	10	10	14	13	12	2
-	Số vụ lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH tham gia		3	5	9	5	10	10	7	12	9	2
-	Số người cứu được		2	2	0	2	2	1	2	4	1	0
-	Số thi thể nạn nhân tìm được		0	4	8	3	13	13	5	13	13	3
2	CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN PCCC VÀ CNCH											
-	Số lớp tuyên truyền về PCCC và CNCH	6	10	7	14	13	13	176	1.322	740	762	114
-	Số người tham gia các lớp tuyên truyền về PCCC và CNCH	243	250	607	432	3.760	1.862	5.726	60.848	69.781	87.759	13.058

[illegible]

STT	Chỉ tiêu thống kê	Năm										
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
		(15/7/2015-14/12/2015)	(15/12/2015-14/12/2016)	(15/12/2016-14/12/2017)	(15/12/2017-14/12/2018)	(15/12/2018-14/12/2019)	(15/12/2019-14/12/2020)	(15/12/2020-14/12/2021)	(15/12/2021-14/12/2022)	(15/12/2022-14/12/2023)	(15/12/2023-14/12/2024)	(15/12/2024-14/3/2025)
-	Số vụ đã điều tra làm rõ nguyên nhân	4	31	14	35	18	12	17	15	8	33	8
-	Số vụ chưa rõ nguyên nhân	1	10	0	1	5	8	4	1	1	1	0
-	Số vụ có quyết định khởi tố vụ án	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0
-	Số vụ có quyết định khởi tố bị can	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
-	Số bị can bị khởi tố	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
4,5	Về thực hiện chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc											
	Tổng số cơ sở thuộc diện phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định	44	242	242	281	281	225	225	248	235	252	256
	Số cơ sở đã mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc	44	242	242	281	281	225	225	248	235	252	256
	Số cơ sở chưa mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	CÔNG TÁC THẨM DUYỆT, NGHIỆM THU VỀ PCCC											
	Số Giấy chứng nhận thẩm duyệt được cấp	25	69	49	94	79	57	57	55	64	26	10
	Số văn bản nghiệm thu được cấp	10	10	22	36	42	32	31	30	35	24	8
	Số công trình chưa được nghiệm thu về PCCC đã đi vào sử dụng	0	0	0	0	0	0	0	0	15	0	0
6	CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PCCC VÀ CNCH											
	Số Giấy chứng nhận kiểm định đã cấp											
7	CÔNG TÁC CHỮA CHÁY VÀ CNCH											
7,1	Số liệu về công tác chữa cháy											
-	Số lượt tin báo cháy đã nhận	5	41	14	36	23	20	21	16	9	34	8
-	Số vụ cháy do lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trực tiếp cứu chữa	3	26	12	33	16	6	14	8	6	31	6
-	Số vụ cháy do lực lượng tại chỗ tự dập tắt	2	15	2	3	7	14	7	8	3	3	2
-	Số lượt phương tiện được điều động tham gia chữa cháy	6	59	30	86	41	16	37	24	14	58	14
-	Số lượt CBCS được điều động tham gia chữa cháy	43	540	215	553	213	104	247	149	90	349	77
-	Số người cứu được từ các vụ cháy	0	1	1	0	0	3	2	0	0	3	0
-	Ước tính tài sản cứu được từ các vụ cháy (triệu đồng)	0,0	16.892,0	3.475,5	3.642,9	5.074,0	631,6	1.035,7	4.992,0	4.931,2	4.381,7	4.523,0
7,2	Số liệu về công tác CNCH											
-	Số vụ CNCH do lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trực tiếp thực hiện	0	3	5	9	5	10	10	7	12	9	2

STT	Chỉ tiêu thống kê	Năm										
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
		(15/7/2015-14/12/2015)	(15/12/2015-14/12/2016)	(15/12/2016-14/12/2017)	(15/12/2017-14/12/2018)	(15/12/2018-14/12/2019)	(15/12/2019-14/12/2020)	(15/12/2020-14/12/2021)	(15/12/2021-14/12/2022)	(15/12/2022-14/12/2023)	(15/12/2023-14/12/2024)	(15/12/2024-14/3/2025)
-	Số vụ do lực lượng tại chỗ thực hiện		0	0	1	0	0	0	7	1	3	0
-	Số lượt phương tiện được điều động tham gia CNCH		7	13	16	11	30	29	10	38	20	15
-	Số lượt CBCS được điều động tham gia CNCH		56	161	117	62	162	249	66	193	119	90
7,3	Công tác xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH											
	Số phương án chữa cháy của cơ quan Công an đã được phê duyệt	8	23	20	19	5	2	144	76	26	7	0
	Số phương án chữa cháy của cơ quan Công an đã được tổ chức thực tập	6	15	5	5	12	2	9	32	51	43	7
	Số phương án chữa cháy của cơ sở đã được phê duyệt	20	24	18	23	27	21	19	88	68	43	11
	Số phương án chữa cháy của cơ sở đã được tổ chức thực tập	626	863	892	934	1.096	928	1.201	1.137	1.114	1.125	178
	Số phương án CNCH của cơ quan Công an đã được phê duyệt	16	23	20	19	5	18	139	169	460	90	0
	Số phương án CNCH của cơ quan Công an đã được tổ chức thực tập	6	15	5	5	5	2	7	137	192	39	0
	Số phương án CNCH của cơ sở đã được phê duyệt				934	1.096	928	1.201	1.137	1.114	1.125	1.023
	Số phương án CNCH của cơ sở đã được tổ chức thực tập				467	548	464	600	568	557	562	178
	Số phương án chữa cháy đối với khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao đã được xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	1	13	20	0
	Số phương án chữa cháy đối với khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao đã được tổ chức thực tập	0	0	0	0	0	0	0	1	11	2	0
8	CÔNG TÁC ĐẦU TƯ CHO PCCC VÀ CNCH											
8,1	Số dự án đã được triển khai											
8,2	Kinh phí đầu tư cho công tác PCCC và CNCH											
-	Nguồn Trung ương (triệu đồng)	4.531,73	0	756,27	8.011,32	846,17	330,00	0	0	796,59	4.763,11	0
+	Kinh phí đầu tư trang bị phương tiện	4.531,73		756,27	7.810,32	573,17	0,00			796,59	4.763,11	
+	Kinh phí xây dựng trụ sở, doanh trại	0		0	0	0	0			0	0	
+	Kinh phí đầu tư cho hoạt động khác	0		0	201,00	273,00	330,00			0	0	
-	Nguồn địa phương (triệu đồng)	204,68	210,69	227,50	547,00	317,00		627,20	660,08	504,00	667,51	313,08
+	Kinh phí đầu tư trang bị phương tiện	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0

[illegible]